UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5016/SYT-NVD V/v xin chủ trương trang bị cơ số thuốc cho trạm y tế lưu động	*Đồng Tháp, ngày 10 tháng 11 năm 2021*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Tỉnh Đoàn Tấn Bửu về việc trang bị cơ số thuốc cho trạm y tế lưu động;

Thực hiện nhiệm vụ cấp thiết trong phòng, chống dịch Covid-19, với diễn biến vô cùng phức tạp của dịch Covid-19. Để kịp thời đảm bảo đủ cơ số thuốc cho trạm y tế lưu động nhằm phục vụ đối tượng F0 và F1, Sở Y tế kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận:

1. Thống nhất cơ số thuốc và tổng số tiền cho trạm y tế lưu động (theo phụ lục đính kèm) đề kịp thời phục vụ công tác điều trị F0, F1 trên địa bàn tỉnh.

2. Nhằm tiết kiệm kinh phí và tránh lãng phí, Sở Y tế đề xuất sử dụng thuốc tồn kho sẵn có tại các cơ sở y tế.

3. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách phòng chống dịch.

Sở Y tế kính đề nghị đến Ủy ban nhân dân xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ Sở (để báo cáo);
- Phòng NVY, KHTC (phối hợp);
- Lưu: VT, NVD/nttHằng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Lâm Thị Ngọc Kim

PHỤ LỤC

(Đính kèm Công văn số: 5016/SYT-NVD ngày 10 tháng 11 năm 2021

STT	Tên cơ sở	Tổng số lượng túi thuốc (đơn vị tính: Túi)	Thành phần mỗi túi	Thành tiền/túi	Tổng tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng	900	Mỗi túi chứa: 20 viên Paracetamol, 20 viên Vitamin C, 20 gói Oresol, 20 viên Vitamin 3B	43.700	39.330.000	Mỗi trạm Y tế 100 túi (12 Trung tâm y tế là đầu mối báo cáo, phân bổ cho các trạm y tế: Đóng gói, in tờ hướng dẫn sử dụng...)
2	Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự	1000		37.900	37.900.000	
3	Trung tâm Y tế thành phố Hồng Ngự	700		32.220	22.554.000	
4	Trung tâm Y tế huyện Tam Nông	1200		72.000	86.400.000	
5	Trung tâm Y tế huyện Thanh Bình	1300		72.360	94.068.000	
6	Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh	1500		25.900	38.850.000	
7	Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh	1800		101.460	182.628.000	
8	Trung tâm Y tế huyện Tháp Mười	1300		95.600	124.280.000	
9	Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò	1300		33.200	43.160.000	
10	Trung tâm y tế huyện Lai Vung	1200		43.560	52.272.000	
11	Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc	900		25.000	22.500.000	
12	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	1200		72.340	86.808.000	
	Tổng	14.300		**655.240**	**830.750.000**	Tương ứng 143 Trạm y tế

Ghi chú: *Giá mỗi túi khác nhau do mua theo đợt thầu năm 2018-2020; 2021-2023, các Công ty và các nhóm thuốc khác nhau. Mỗi túi thuốc trung bình 54.603 VNĐ*